

Số: 719 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chi trả cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức hỗ trợ, bồi dưỡng, trợ cấp và các mức chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2024.

Căn cứ Công văn số 205/HĐND-KTNS ngày 30/10/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về việc điều chỉnh nguồn kinh phí để thực hiện chi trả cho Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3195/STC-NS ngày 24/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sử dụng nguồn kinh phí còn lại tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 06/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 (Quyết định số 21/2007/QĐ-UBND ngày 30/7/2007 của UBND tỉnh); số 16/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021 và mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022 đã được giao tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2024, với tổng kinh phí là 20.221 triệu đồng để thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh (như Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

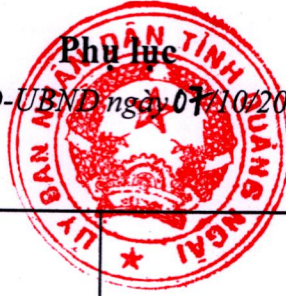
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NC (lnphong559)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn



(Kèm theo Quyết định số **719** /QĐ-UBND ngày **07/10/2024** của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	Kinh phí còn lại tiếp tục chi trả theo NQ số 12/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh
A	B	1	2	3=1-2
	Tổng cộng :	39,722	19,501	20,221
a	Bảo vệ dân phố (Theo Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007)	9,104	3,930	5,174
b	Công an xã bán chuyên trách (Theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 21/7/2021)	27,076	13,930	13,146
c	Đội dân phòng (Theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND)	3,542	1,641	1,901
	Chi tiết			
1	Tư Nghĩa	3,370	1,521	1,849
a	Bảo vệ dân phố	701	121	580
b	Công an xã bán chuyên trách	2,655	1,393	1,262
c	Đội dân phòng	14	7	7
2	Mộ Đức	2,710	1,249	1,461
a	Bảo vệ dân phố	123	57	66
b	Công an xã bán chuyên trách	2,382	1,090	1,292
c	Đội dân phòng	205	102	103
3	Minh Long	1,121	524	597
a	Bảo vệ dân phố	-	-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	909	419	491
c	Đội dân phòng	212	106	106
4	Trà Bồng	3,005	1,594	1,411
a	Bảo vệ dân phố	294	158	136
b	Công an xã bán chuyên trách	2,213	1,186	1,027
c	Đội dân phòng	498	249	249

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	Kinh phí còn lại tiếp tục chi trả theo NQ số 12/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh
5	Sơn Hà	3,614	1,869	1,745
a	Bảo vệ dân phố	439	237	202
b	Công an xã bán chuyên trách	2,629	1,359	1,270
c	Đội dân phòng	546	273	273
6	Sơn Tịnh	2,190	1,124	1,066
a	Bảo vệ dân phố		-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	2,060	1,059	1,001
c	Đội dân phòng	130	65	65
7	TX Đức Phổ	3,722	2,023	1,699
a	Bảo vệ dân phố	2,153	1,162	991
b	Công an xã bán chuyên trách	1,467	810	657
c	Đội dân phòng	102	51	51
8	Ba Tơ	3,780	1,786	1,994
a	Bảo vệ dân phố	698	148	550
b	Công an xã bán chuyên trách	2,502	1,348	1,154
c	Đội dân phòng	580	290	290
9	Nghĩa Hành	3,181	1,167	2,014
a	Bảo vệ dân phố	280	-	280
b	Công an xã bán chuyên trách	2,363	1,051	1,312
c	Đội dân phòng	538	116	422
10	Bình Sơn	5,006	2,696	2,310
a	Bảo vệ dân phố	378	204	174
b	Công an xã bán chuyên trách	4,191	2,250	1,941
c	Đội dân phòng	437	242	195
11	Sơn Tây	1,283	596	687
a	Bảo vệ dân phố		-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	1,044	477	567

TT	Lực lượng	Tổng kinh phí đã bố trí trong DT 2024	Tổng kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm	Kinh phí còn lại tiếp tục chi trả theo NQ số 12/2024/NQ- HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh
c	Đội dân phòng	239	119	120
12	Lý Sơn	275	147	128
a	Bảo vệ dân phố	-	-	-
b	Công an xã bán chuyên trách	234	126	108
c	Đội dân phòng	41	20	21
13	TP Quảng Ngãi	6,465	3,205	3,260
a	Bảo vệ dân phố	4,038	1,843	2,195
b	Công an xã bán chuyên trách	2,427	1,362	1,065
c	Đội dân phòng	-	-	-